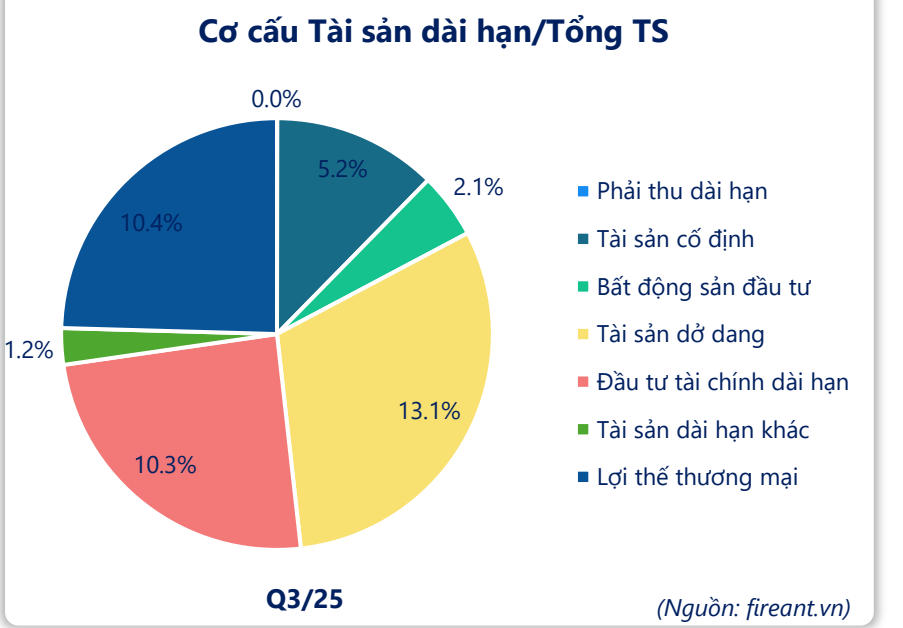
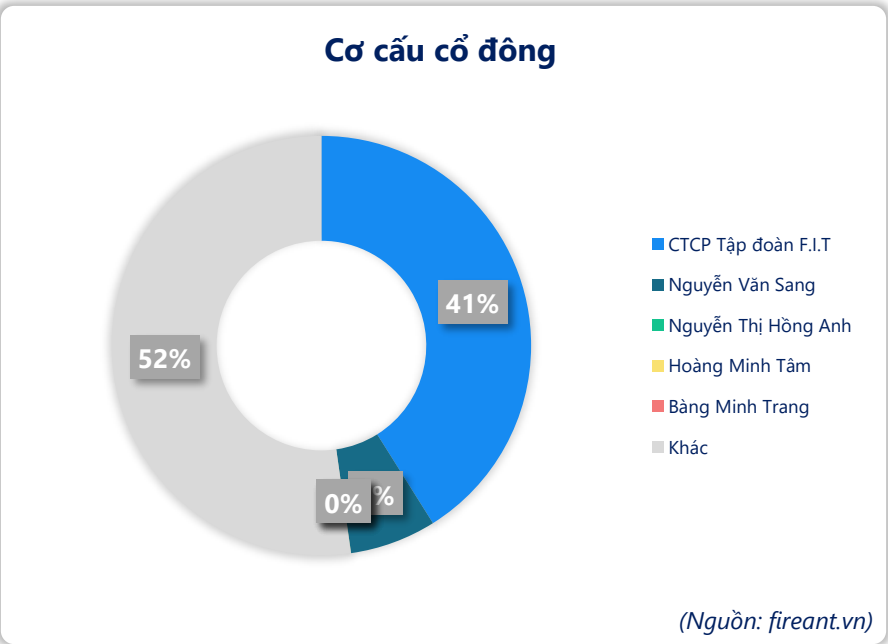
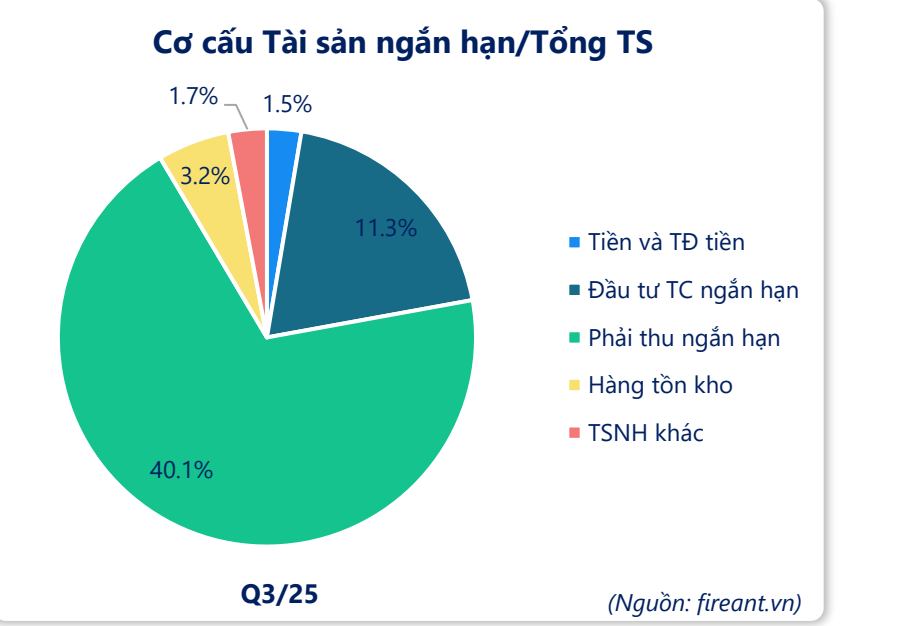
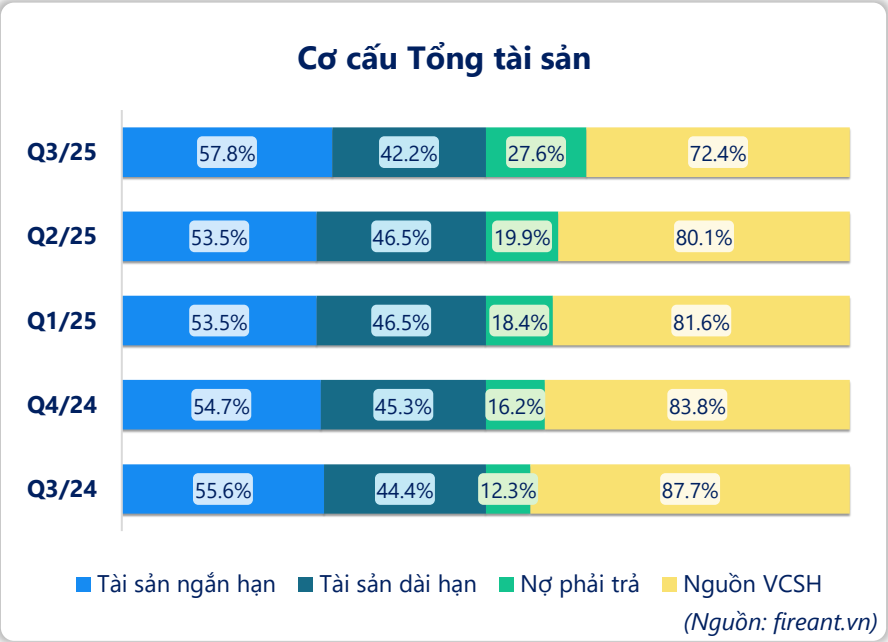
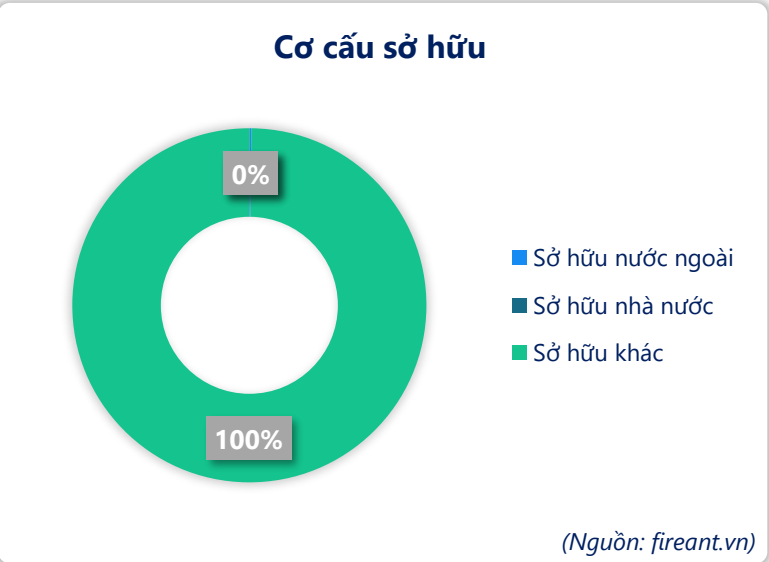
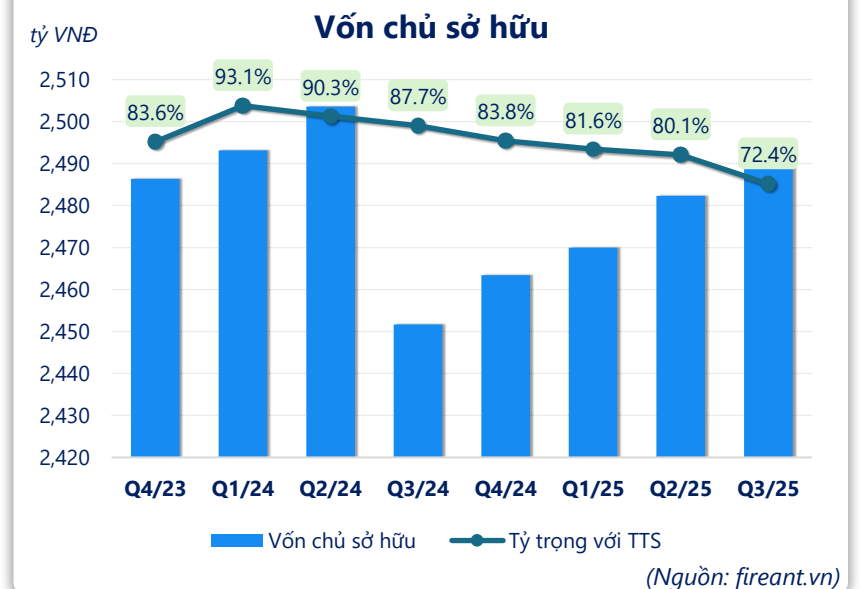
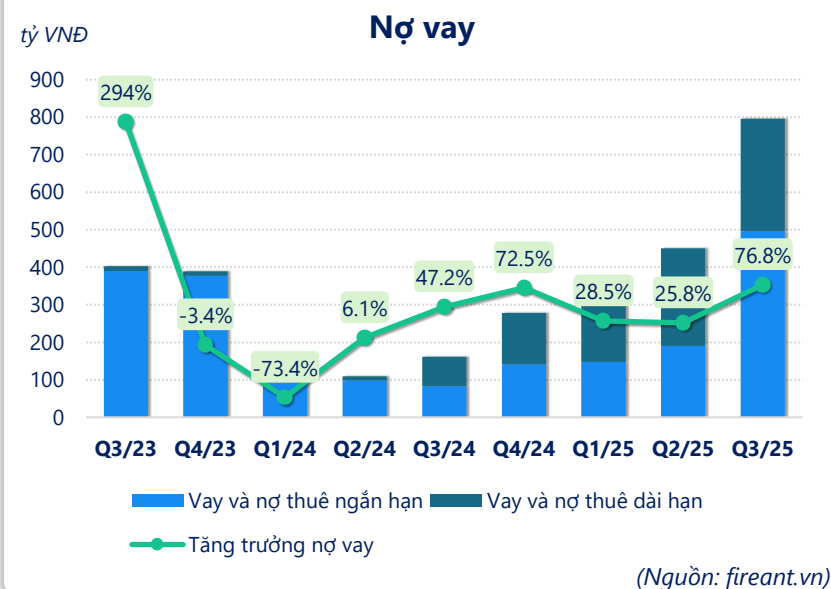
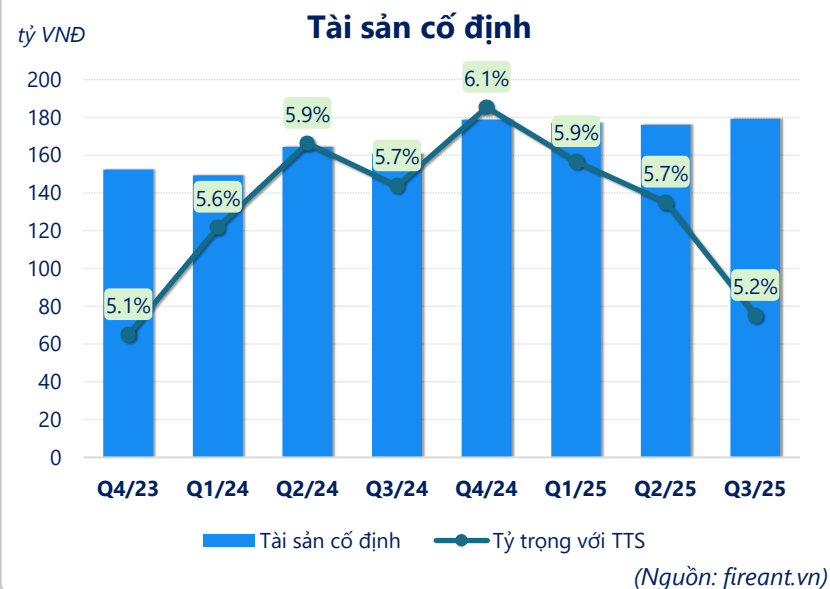
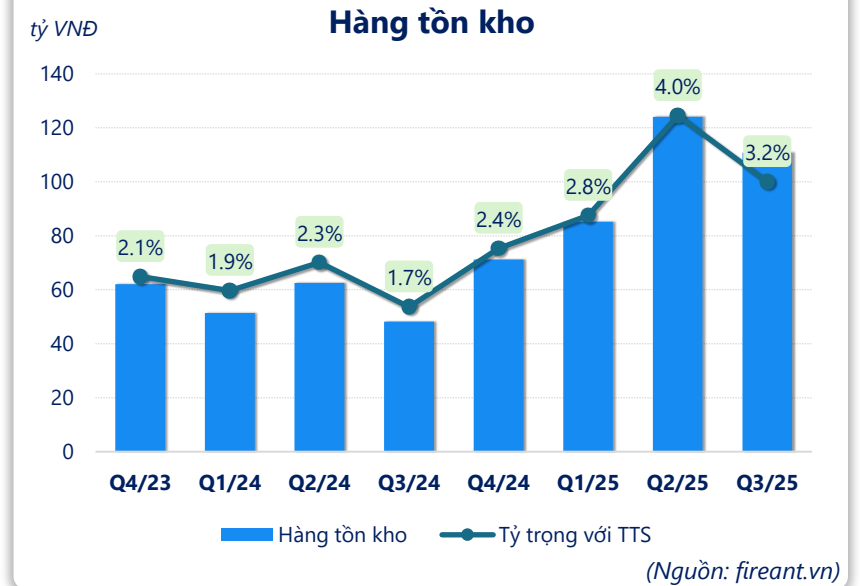
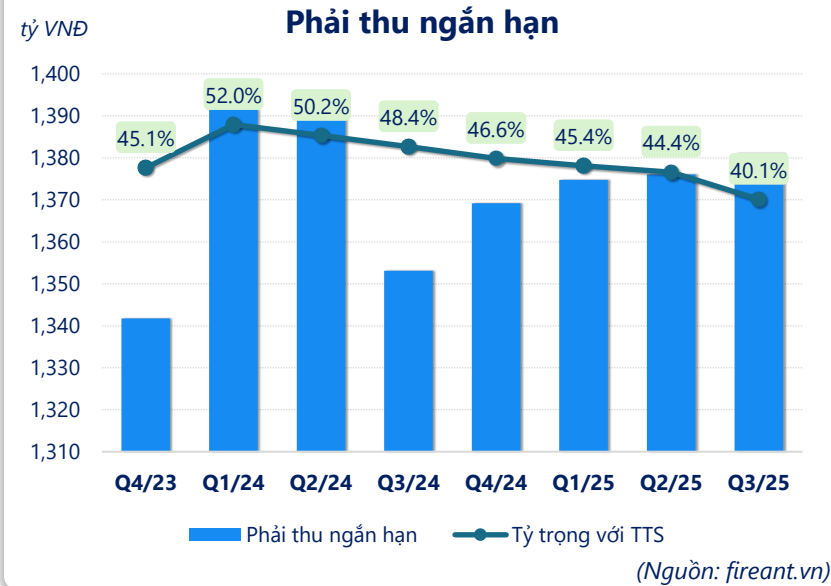
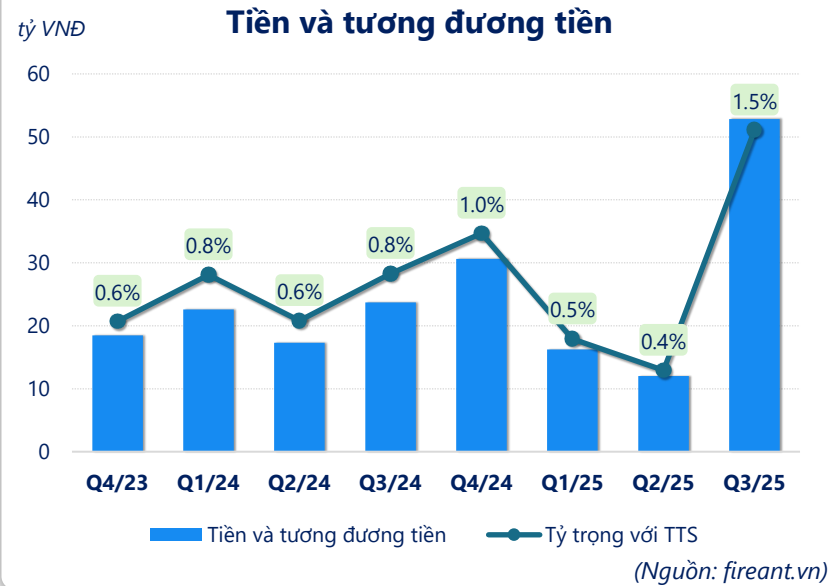
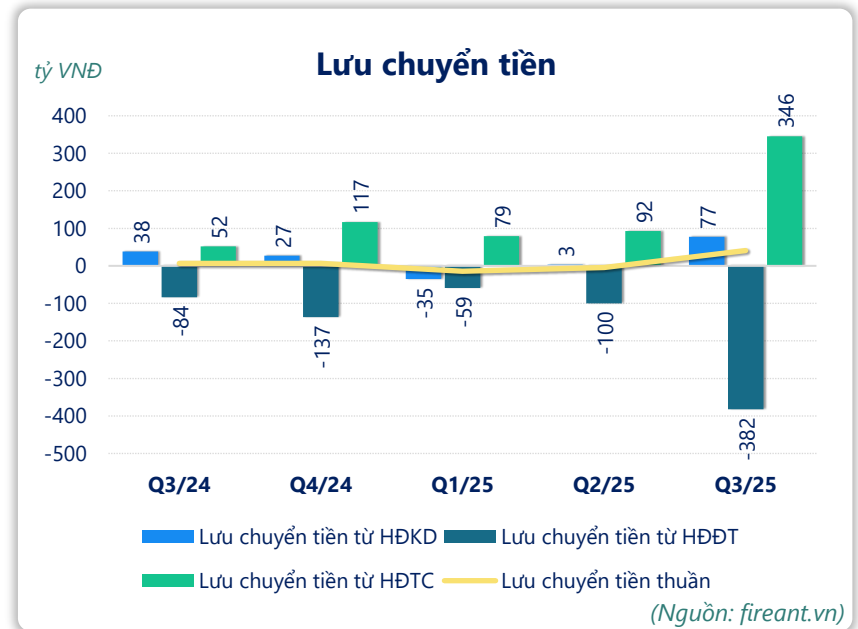
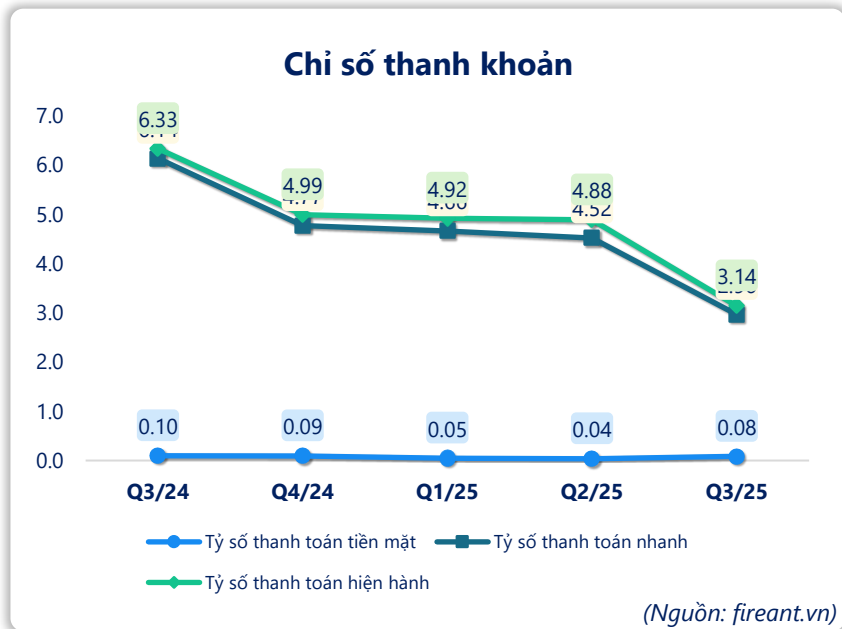
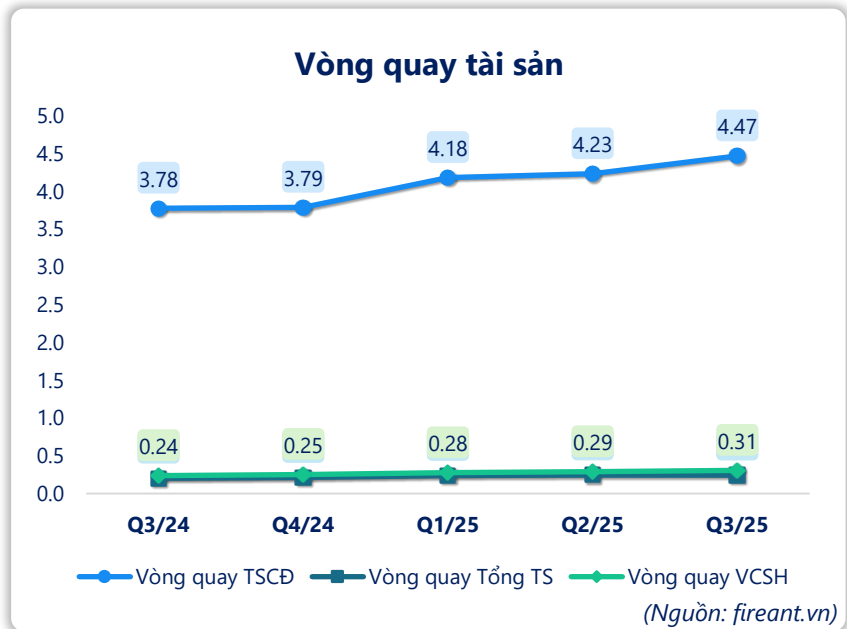
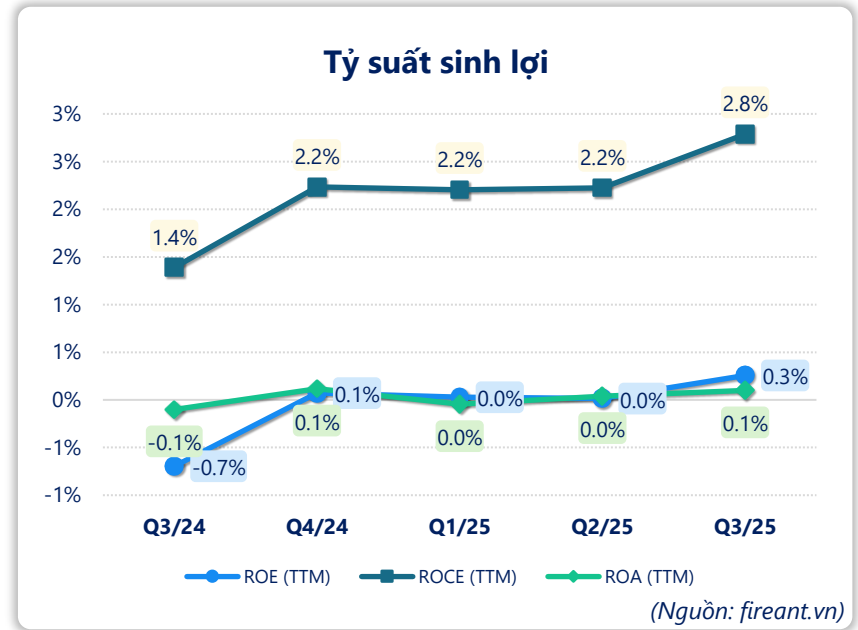
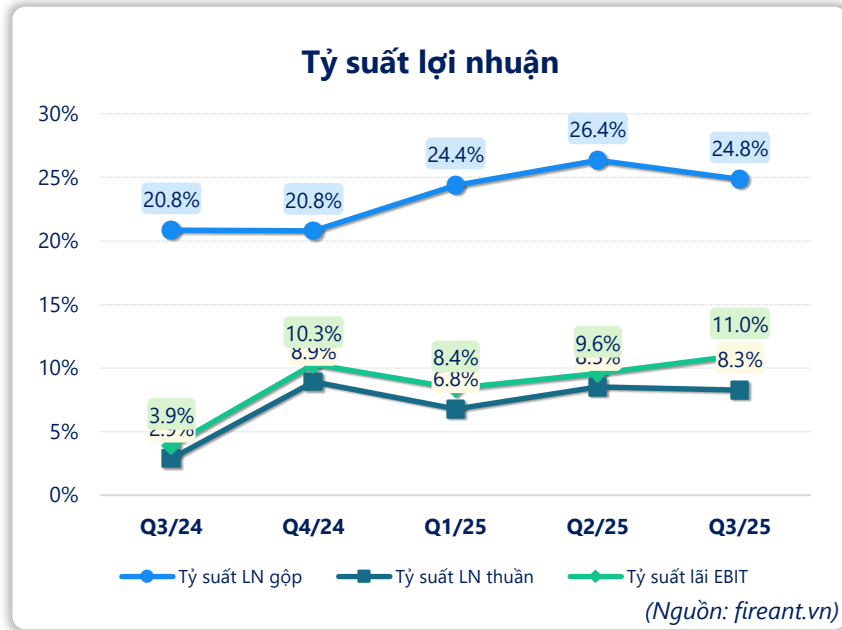
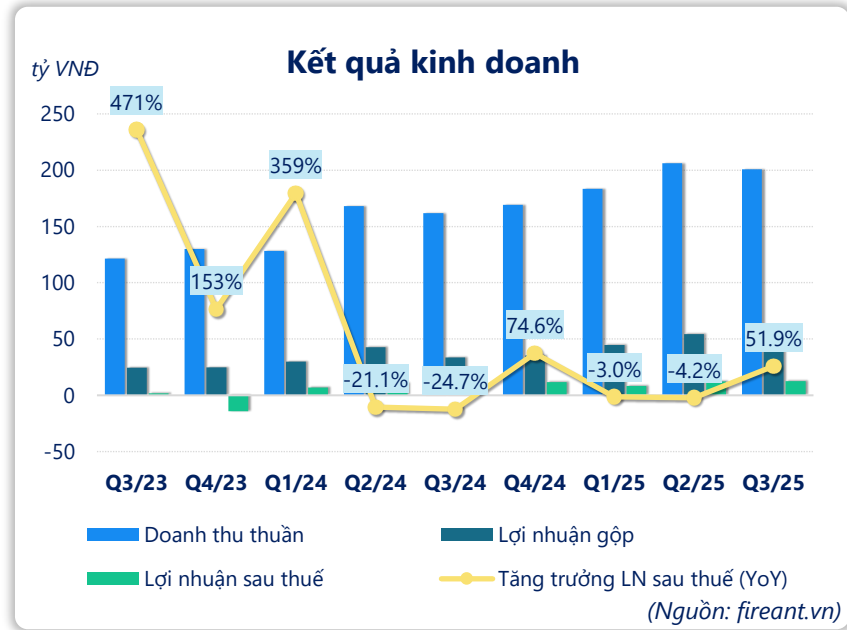


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,120
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,420
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,330
SL cổ phiếu LH		196,858,925
KLGD BQ 20 phiên (CP)		460,415
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		614
P/E		96.9
EPS		32

	YTD	1T	3T	6T
TSC	28.4%	-2.8%	11.0%	6.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,446	2,940	17.2%
Tài sản ngắn hạn	1,992	1,608	23.9%
Tiền và tương đương tiền	52.8	30.6	72.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	388	91.9	322%
Phải thu ngắn hạn	1,381	1,369	0.9%
Hàng tồn kho	111	71.2	55.6%
Tài sản ngắn hạn khác	59.2	44.7	32.3%
Tài sản dài hạn	1,454	1,333	9.1%
Phải thu dài hạn	0.36	0.01	7000%
Tài sản cố định	179	179	0.2%
Bất động sản đầu tư	71.3	71.3	0.0%
Tài sản dở dang	451	280	60.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	356	360	-1.1%
Tài sản dài hạn khác	39.7	37.9	4.8%
Lợi thế thương mại	357	404	-11.7%
Nợ phải trả	951	477	99.6%
Nợ ngắn hạn	635	322	97.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	495	141	251%
Phải trả người bán ngắn hạn	52.5	45.6	15.1%
Nợ dài hạn	317	154	105%
Vay và nợ thuê dài hạn	301	137	119%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,495	2,463	1.3%
Vốn chủ sở hữu	2,495	2,463	1.3%
Vốn điều lệ	1,969	1,969	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	162	169	184	206	201
Giá vốn hàng bán	128	134	139	152	151
Lợi nhuận gộp	33.7	35.2	44.8	54.3	49.9
Doanh thu HĐTC	15.3	22.6	15.0	14.6	15.6
Chi phí TC	3.12	3.88	2.94	3.47	5.37
Chi phí lãi vay	1.41	1.51	1.97	2.16	4.84
LN trong công ty LKLD	-2.93	-1.11	-2.31	-1.04	-0.56
Chi phí bán hàng	11.5	11.9	13.9	18.2	15.1
Chi phí QLDN	26.8	25.7	28.2	28.6	27.9
LN thuần từ HĐKD	4.67	15.1	12.4	17.6	16.6
Lợi nhuận khác	0.20	0.85	1.05	-0.02	0.67
LN trước thuế	4.88	15.9	13.5	17.5	17.3
Lợi nhuận sau thuế	0.67	11.8	8.40	12.3	12.7
LNST của CĐ cty mẹ	-2.93	3.46	-1.32	1.13	3.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.1	26.8	-35.0	3.48	77.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-83.5	-137	-58.8	-100	-382
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	51.8	117	79.5	92.4	346
Tiền đầu kỳ	17.3	23.7	30.6	16.3	12.0
Lưu chuyển tiền thuần	6.41	6.85	-14.3	-4.25	40.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.02	-0.01	0.01	0.04
Tiền cuối kỳ	23.7	30.6	16.3	12.0	52.8

(Nguồn: fireant.vn)